



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VACO

Tầng 4 - 168 Đường Láng, Quận Đống Đa
Thành phố Hà Nội, Việt Nam
Tel: +84-4 3577 0781 / Fax: +84-4 3577 0787
www.vaco.com.vn / vacohn@vaco.com.vn

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN TỬ VÀ TIN HỌC VIỆT NAM
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	2 - 3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG	4 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG	7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG	8 - 25

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Cổ phần Điện tử và Tin học Việt Nam trình bày Báo cáo của Ban Tổng giám đốc cùng với Báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán của Tổng Công ty Cổ phần Điện tử và Tin học Việt Nam cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đã điều hành trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Quốc Huy	Chủ tịch
Ông Nguyễn Hồng Hiền	Ủy viên
Ông Vũ Hải Vĩnh	Ủy viên
Bà Đỗ Thị Thuý Hương	Ủy viên
Ông Lưu Hoàng Long	Ủy viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Lưu Hoàng Long	Tổng Giám đốc
Ông Vũ Song Toàn	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Anh Dũng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Vũ Hải Vĩnh	Phó Tổng Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Tổng Công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Tổng Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Tổng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Lưu Hoàng Long
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 28 tháng 03 năm 2014

Số: 107 /VACO/BCKT.NV2

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Tổng Công ty Cổ phần Điện tử và Tin học Việt Nam**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng kèm theo của Tổng Công ty cổ phần Điện tử và Tin học Việt Nam (gọi tắt là "Tổng Công ty"), được lập ngày 28/03/2014, từ trang 04 đến trang 25, bao gồm: Bảng Cân đối kế toán riêng tại ngày 31/12/2013, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh riêng, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng (gọi chung là "báo cáo tài chính").

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Tổng Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Đến thời điểm phát hành báo cáo này, Tổng Công ty chưa nhận được đầy đủ báo cáo tài chính năm 2013 của một số công ty con, công ty liên doanh liên kết và các khoản đầu tư tài chính dài hạn khác để đánh giá trích lập dự phòng giảm giá đầu tư tài chính. Chúng tôi cũng chưa thu thập được các bằng chứng kiểm toán đầy đủ và thích hợp để đánh giá giá trị dự phòng cần trích lập trong báo cáo tài chính 2013 của Tổng Công ty.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Tiếp theo)

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ những ảnh hưởng của vấn đề được nêu trong đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Nguyễn Đức Tiến
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CN-ĐKHN kiểm toán số: 0517-2013-156-1
Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VACO
Hà Nội, ngày 28 tháng 03 năm 2014

Bùi Thị Phương
Kiểm toán viên
Số Giấy CN-ĐKHN kiểm toán số: 2369-2013-156-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

MẪU B 01-DN
Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2013	01/01/2013
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100		299.455.032.984	347.385.313.945
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	104.801.609.308	87.723.617.540
1. Tiền	111		4.561.609.308	8.523.617.540
2. Các khoản tương đương tiền	112		100.240.000.000	79.200.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		72.889.770.052	111.276.581.609
1. Đầu tư ngắn hạn	121	6	72.889.770.052	111.276.581.609
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		116.305.873.485	132.721.780.583
1. Phải thu khách hàng	131	7	76.725.964.697	98.144.063.555
2. Trả trước cho người bán	132	8	11.167.197.064	19.854.685.625
3. Các khoản phải thu khác	135	9	39.931.955.297	24.716.726.364
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	10	(11.519.243.573)	(9.993.694.961)
IV. Hàng tồn kho	140	11	4.431.887.145	14.488.533.342
1. Hàng tồn kho	141		4.431.887.145	14.488.533.342
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		1.025.892.994	1.174.800.871
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		426.056.796	122.248.367
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		45.144.109	-
3. Tài sản ngắn hạn khác	158		554.692.089	1.052.552.504
B - TÀI SẢN DÀI HẠN (200=220+250+260)	200		388.252.331.251	394.215.401.776
I. Tài sản cố định	220		27.725.933.686	30.480.554.361
1. Tài sản cố định hữu hình	221	12	5.047.468.417	6.293.580.131
- Nguyên giá	222		19.107.734.790	20.011.377.208
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(14.060.266.373)	(13.717.797.077)
2. Tài sản cố định vô hình	227	13	17.928.841.269	18.066.883.401
- Nguyên giá	228		18.213.266.400	18.239.199.400
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(284.425.131)	(172.315.999)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	14	4.749.624.000	6.120.090.829
II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	15	359.542.997.569	363.193.938.597
1. Đầu tư vào công ty con	251		313.730.600.000	313.730.600.000
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		36.299.695.137	39.312.338.597
3. Đầu tư dài hạn khác	258		10.151.000.000	10.251.000.000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		(638.297.568)	(100.000.000)
III. Tài sản dài hạn khác	260		983.399.996	540.908.818
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		951.850.196	453.020.089
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	16	31.549.800	87.888.729
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		687.707.364.235	741.600.715.721

Các thuyết minh từ trang 08 đến trang 25 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (Tiếp theo)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

MẪU B 01-DN
Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2013	01/01/2013
A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		134.665.932.146	179.751.988.129
I. Nợ ngắn hạn	310		130.680.115.646	170.640.800.484
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	17	43.253.824.797	66.108.455.020
2. Phải trả người bán	312	18	40.068.685.241	56.017.837.851
3. Người mua trả tiền trước	313	19	6.331.914.059	1.418.523.145
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	20	1.763.216.478	5.724.549.552
5. Phải trả người lao động	315		1.137.767.715	1.795.395.691
6. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	21	37.123.563.119	38.206.895.988
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		1.001.144.237	1.369.143.237
II. Nợ dài hạn	330		3.985.816.500	9.111.187.645
1. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	497.666.145
2. Doanh thu chưa thực hiện	338	22	3.985.816.500	8.613.521.500
B - VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410)	400		553.041.432.089	561.848.727.592
I. Vốn chủ sở hữu	410	23	553.041.432.089	561.848.727.592
1. Vốn điều lệ	411		438.000.000.000	438.000.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	417		17.419.584.594	15.229.584.594
3. Quỹ dự phòng tài chính	418		8.120.012.198	5.930.012.198
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		89.501.835.297	102.689.130.800
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		687.707.364.235	741.600.715.721

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	31/12/2013	01/01/2013
I. Ngoại tệ các loại		
- USD	2.940,44	100
- EUR	9.571,08	102,03



Lưu Hoàng Long
Tổng Giám đốc

Nguyễn Trung Dũng
Kế toán trưởng

Vũ Văn Tuấn
Người lập biểu

Hà Nội, ngày 28 tháng 03 năm 2014

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG
Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

MẪU B 02-DN
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2013	Năm 2012
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		47.149.232.723	135.972.185.507
2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01)	10	24	47.149.232.723	135.972.185.507
3. Giá vốn hàng bán	11	25	39.652.207.079	127.975.956.146
4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		7.497.025.644	7.996.229.361
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21	27	65.214.491.489	43.679.115.750
6. Chi phí tài chính	22	28	12.424.910.352	1.587.439
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		1.262.242.796	1.535.300
7. Chi phí bán hàng	24		539.968.330	815.727.980
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		22.204.372.906	15.686.756.840
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+21-22-24-25)	30		37.542.265.545	35.171.272.852
10. Thu nhập khác	31		5.840.531.392	17.593.775.027
11. Chi phí khác	32		5.453.393.928	17.390.743.598
11. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40	29	387.137.464	203.031.429
12. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		37.929.403.009	35.374.304.281
13. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	30	1.761.670.111	1.024.580.892
14. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		56.338.929	56.338.929
15. Lãi sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60	31	36.111.393.969	34.293.384.460



Lưu Hoàng Long
Tổng Giám đốc

Nguyễn Trung Dũng
Kế toán trưởng

Vũ Văn Tuấn
Người lập biểu

Hà Nội, ngày 28 tháng 03 năm 2014

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG
(Theo phương pháp trực tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

MẪU B 03-DN
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2013	Năm 2012
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	1	66.129.764.997	124.384.581.837
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hoá và dịch vụ khác	2	(41.349.631.758)	(115.049.211.290)
3. Tiền chi trả cho người lao động	3	(12.112.177.082)	(13.312.865.443)
4. Tiền chi trả lãi vay	4	(1.264.192.600)	(1.535.300)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	5	(1.382.261.098)	(1.820.277.670)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	6	39.549.223.095	89.861.902.796
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	7	(52.428.712.657)	(26.605.392.527)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(2.857.987.103)	57.457.202.403
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(145.958.000)	(495.717.548)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	13.300.000	1.520.000
3. Tiền chi cho vay, mua sắm công cụ nợ của đơn vị khác	23	(71.985.176.636)	(49.050.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác	24	114.714.869.070	26.550.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	(49.810.000.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		3.012.600.918	1.600.000.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		37.467.954.322	17.447.356.741
Lưu chuyển thuần từ hoạt động đầu tư	30	83.077.589.674	(53.756.840.807)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được		67.209.035.214	93.149.940.250
2. Tiền chi trả nợ gốc vay		(90.063.665.437)	(167.122.815.264)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(40.337.473.412)	(652.121.500)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(63.192.103.635)	(74.624.996.514)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	50	17.027.498.936	(70.924.634.918)
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60	87.723.617.540	158.648.252.458
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	50.492.832	-
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70=50+60+61)	70	104.801.609.308	87.723.617.540



Lưu Hoàng Long
Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 28 tháng 03 năm 2014


Nguyễn Trung Dũng
Kế toán trưởng


Vũ Văn Tuấn
Người lập biểu

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Tổng Công ty Cổ phần Điện tử và Tin học Việt Nam (sau đây gọi tắt là “Tổng Công ty”), tiền thân là Tổng Công ty Điện tử và Tin học Việt Nam, được thành lập theo Quyết định số 1116/QĐ/TCCBHT ngày 27/10/1995 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp nặng (nay là Bộ Công thương) và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 109811 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 23/11/1995. Tổng Công ty chuyển đổi hình thức sang Tổng Công ty Cổ phần theo Quyết định số 2511/QĐ-BCN ngày 14/9/2006 và Quyết định số 05/QĐ-BCN ngày 2/1/2007 của Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công thương) và chính thức hoạt động theo hình thức Tổng Công ty Cổ phần từ ngày 1/3/2007 theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103016007 ngày 28/02/2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp. Đăng ký thay đổi lần 3 ngày 27/4/2009.

Vốn điều lệ của Tổng Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 438.000.000.000 đồng.

Các cổ đông sáng lập của Tổng Công ty gồm:

Danh sách cổ đông sáng lập	Vốn đăng ký góp theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh		
	VND	Số cổ phần	Tỷ lệ (%)
Vốn Nhà nước	385.308.600.000	38.530.860	87,97%
Vốn các cổ đông khác	52.691.400.000	5.269.140	12,03%
	438.000.000.000	43.800.000	100,00%

Tổng số nhân viên của Tổng Công ty tại ngày 31/12/2013 là 153 người (tại ngày 31/12/2012 là 162 người).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

- Thiết kế, sản xuất, lắp ráp, chế tạo thiết bị, hệ thống thiết bị, linh kiện, chi tiết cấu kiện điện tử - tin học, thiết bị viễn thông, điện tử y tế, điện tử - tự động hóa, điện máy gia dụng và chuyên dùng;
- Sản xuất kinh doanh, xuất khẩu, nhập khẩu thiết bị, sản phẩm, linh kiện, chi tiết, vật tư liên quan đến ngành điện tử - tin học, thiết bị viễn thông, điện tử y tế và điện máy;
- Thực hiện các dịch vụ trong lĩnh vực điện tử và công nghệ thông tin (nghiên cứu đào tạo, chuyên giao công nghệ thông tin, nghiên cứu đào tạo, chuyên giao công nghệ, tư vấn đầu tư, xây lắp, bảo trì, làm đại lý, nhà phân phối cho các Văn phòng Tổng Công ty trong và ngoài nước);
- Kinh doanh bất động sản và văn phòng cho thuê;
- Và các ngành nghề kinh doanh khác.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỲ KẾ TOÁN

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan đến lập và trình bày báo cáo tài chính.

Các báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỶ KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Năm tài chính

Năm tài chính của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm dương lịch.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính, Tổng Công ty đã tuân thủ các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan đến lập và trình bày báo cáo tài chính.

Hình thức kế toán áp dụng

Tổng Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI

Hướng dẫn mới về chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định

Ngày 25 tháng 4 năm 2013, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 45/2013/TT-BTC (“Thông tư 45”) hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thông tư này thay thế Thông tư số 203/2009/TT-BTC (“Thông tư 203”) ngày 20 tháng 10 năm 2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thông tư 45 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 6 năm 2013 và áp dụng cho năm tài chính 2013 trở đi. Ban Giám đốc đánh giá Thông tư 45 không có ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013.

Hướng dẫn mới về trích lập dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn vào doanh nghiệp

Ngày 28 tháng 6 năm 2013, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 89/2013/TT-BTC (“Thông tư 89”) sửa đổi, bổ sung Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hoá, công trình xây lắp tại doanh nghiệp. Thông tư 89 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 26 tháng 7 năm 2013. Ban Giám đốc đánh giá Thông tư 89 không có ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Tổng Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan đến lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc niên độ kế toán cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản đầu tư tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Công cụ tài chính (Tiếp theo)

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu. Theo đó, Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính đã ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 (“Thông tư 210”) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Đầu tư ngắn hạn

Các khoản đầu tư ngắn hạn của Tổng Công ty là các khoản tiền gửi tiết kiệm tại ngân hàng và các khoản cho vay có thời hạn từ 3 tháng đến 12 tháng.

Dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 25
Phương tiện vận tải	06 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 10
Tài sản cố định khác	03 - 08

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất vô thời hạn nên không thực hiện trích khấu hao. Phần mềm máy tính khấu hao từ 3-5 năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Đầu tư vào công ty con

Công ty con là một công ty mà Tổng Công ty giữ cổ phần chi phối (từ 51% trở lên) cũng như quyền kiểm soát tương ứng. Các khoản đầu tư vào công ty con được phản ánh theo giá gốc trên bảng cân đối kế toán.

Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh

Công ty liên kết là một công ty mà Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Tổng Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Các khoản góp vốn liên doanh là thỏa thuận trên cơ sở ký kết hợp đồng mà theo đó Tổng Công ty và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở đồng kiểm soát. Cơ sở đồng kiểm soát được hiểu là việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược liên quan đến các chính sách hoạt động và tài chính của đơn vị liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên đồng kiểm soát.

Các khoản vốn góp vào công ty liên kết, liên doanh được ghi nhận theo giá gốc và được phản ánh là một khoản đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh trên báo cáo tài chính.

Các khoản đầu tư dài hạn khác

Các khoản đầu tư dài hạn khác bao gồm các khoản đầu tư mua cổ phần với tỷ lệ nhỏ hơn 20% vốn điều lệ của công ty cổ phần, các khoản đầu tư dài hạn khác được phản ánh theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư tài chính dài hạn

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư tài chính dài hạn được trích lập theo các quy định về kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng cho các khoản đầu tư dài hạn khi vốn góp thực tế của Công ty tại các công ty con, công ty liên doanh, liên kết và các khoản đầu tư dài hạn khác lớn hơn vốn chủ sở hữu thực có tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Tỷ lệ trích lập dựa trên tỷ lệ giữa số vốn đầu tư của công ty mẹ và tổng số vốn góp thực tế của các bên vào các đơn vị này

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Doanh nghiệp sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Ghi nhận doanh thu (Tiếp theo)

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Tổng Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Ngoại tệ

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái” và Thông tư số 179/2012/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2012 của Bộ Tài chính quy định về ghi nhận, đánh giá, xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái trong doanh nghiệp. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho chủ sở hữu.

Một số khoản công nợ phải thu có gốc ngoại tệ chưa thực hiện đánh giá chênh lệch tỷ giá theo tỷ giá tại ngày kết thúc niên độ kế toán, do Tổng Công ty sẽ xuất hóa đơn giá trị gia tăng bằng tiền Việt Nam Đồng theo tỷ giá thực tế tại ngày xuất hóa đơn và khách hàng thanh toán cho Tổng Công ty theo đúng số tiền VND trên hóa đơn giá trị gia tăng này.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các kỳ khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản phương pháp dựa trên bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để sử dụng các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ. Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả kinh doanh và chỉ được ghi vào vốn chủ sở hữu nếu liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2013 VND	01/01/2013 VND
Tiền mặt	407.088.589	184.512.723
Tiền gửi ngân hàng	4.154.520.719	8.339.104.817
Các khoản tương đương tiền	100.240.000.000	79.200.000.000
Cộng	104.801.609.308	87.723.617.540

6. ĐẦU TƯ NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2013 VND	01/01/2013 VND
Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn trên 03 tháng	5.800.000.000	58.810.000.000
Các khoản cho vay	67.089.770.052	52.466.581.609
Cty CP Viettronics Công Nghiệp (VCN)	21.149.497.187	15.142.308.744
Cty CP Công nghệ thông tin Genpacific	21.836.000.000	14.000.000.000
Công ty Vietronic Đồng Đa	16.329.993.435	16.329.993.435
Cty CP Công trình Viettronics	7.774.279.430	6.994.279.430
Cộng	72.889.770.052	111.276.581.609

Ghi chú: (i) Đầu tư ngắn hạn là các khoản cho vay với thời hạn dưới 12 tháng, lãi suất từ 6%/năm đến 13%/năm.

7. PHẢI THU KHÁCH HÀNG

	31/12/2013 VND	01/01/2013 VND
Công ty cổ phần thủy điện Bắc Hà	34.048.776.074	47.847.083.408
Tổng Công ty xây dựng số 1	23.625.708.342	36.383.221.025
Công ty CP Công nghệ Thông tin GENPACIFIC	6.308.434.000	-
Ban quản lý Dự án nhà máy thủy điện Sơn La	2.927.668.820	2.930.520.820
Công ty TNHH Bệnh viện đa khoa Phú Thọ	2.800.000.000	2.800.000.000
Công ty TNHH MTV TM đầu tư phát triển đô thị	2.653.678.000	2.653.678.000
Ban quản lý Dự án Các công trình Điện Miền Nam	2.232.000.133	2.232.000.133
Công ty CP Tập đoàn Điện tử Công nghiệp Việt Nam	1.861.897.311	1.861.897.311
Các đối tượng khác	267.802.017	1.435.662.858
Cộng	76.725.964.697	98.144.063.555

8. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

	31/12/2013 VND	01/01/2013 VND
Liên danh nhà thầu thủy điện Bắc Hà - Norinco	-	12.317.935.561
Công ty TNHH dịch vụ - thương mại Ngân Thịnh	4.854.351.000	4.854.351.000
Công ty cổ phần Công trình Viettronics	2.599.399.064	2.599.399.064
Công ty CP truyền thông kết nối điểm	3.447.897.000	-
Các đối tượng khác	265.550.000	83.000.000
Cộng	11.167.197.064	19.854.685.625

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

9. PHẢI THU KHÁC

	31/12/2013 VND	01/01/2013 VND
Công ty Cổ phần Viettronics Tân Bình	6.409.316.550	6.409.316.550
Công ty Cổ phần Viettronics Công nghiệp	25.448.855.274	10.993.591.958
Công ty TNHH dịch vụ - thương mại Ngân Thịnh	2.107.997.573	2.107.997.573
Công ty Cổ phần Điện tử Thủ Đức	2.000.000.000	-
Các khoản phải thu khác	4.883.789.372	5.205.820.283
Cộng	40.849.958.769	24.716.726.364

Phải thu khác các Công ty chủ yếu là các khoản phải thu về việc Tổng công ty đã trả hộ các đơn vị các khoản lãi vay ngân hàng, phí bảo lãnh thực hiện hợp đồng, phải thu cổ tức,...

10. DỰ PHÒNG PHẢI THU NGẮN HẠN KHÓ ĐÒI

	31/12/2013 VND	01/01/2013 VND
Công ty TNHH Bệnh viện đa khoa Phú Thọ	3.031.346.388	3.031.346.388
Công ty TNHH dịch vụ - thương mại Ngân Thịnh	6.962.348.573	6.962.348.573
Công ty CP CN Thông tin Genpacific - phải thu lãi vay	1.525.548.612	-
Cộng	11.519.243.573	9.993.694.961

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên.

11. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2013 VND	01/01/2013 VND
Chi phí SX, KD dở dang	3.097.535.000	4.047.535.000
Hàng hóa	1.334.352.145	10.440.998.342
Cộng giá gốc hàng tồn kho	4.431.887.145	14.488.533.342
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-
Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho	4.431.887.145	14.488.533.342

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

12. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị quản lý VND	TSCĐ khác VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ					
Tại ngày 01/01/2013	10.847.732.500	4.704.789.618	3.929.664.596	529.190.494	20.011.377.208
Mua trong kỳ	-	-	103.507.455	77.275.000	180.782.455
Phân loại lại(i)	-	-	(626.609.386)	-	(626.609.386)
Giảm khác	(302.107.393)	-	(148.236.396)	(7.471.698)	(457.815.487)
Tại ngày 31/12/2013	10.545.625.107	4.704.789.618	3.258.326.269	598.993.796	19.107.734.790
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Tại ngày 01/01/2013	5.600.990.120	4.177.051.594	3.514.344.619	425.410.744	13.717.797.077
Khấu hao trong kỳ	655.507.150	345.914.980	177.515.154	32.346.917	1.211.284.201
Phân loại lại(i)	-	-	(410.999.418)	-	(410.999.418)
Thanh lý, NB	(302.107.393)	-	(148.236.396)	(7.471.698)	(457.815.487)
Tại ngày 31/12/2013	5.954.389.877	4.522.966.574	3.132.623.959	450.285.963	14.060.266.373
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 01/01/2013	5.246.742.380	527.738.024	415.319.977	103.779.750	6.293.580.131
Tại ngày 31/12/2013	4.591.235.230	181.823.044	125.702.310	148.707.833	5.047.468.417

Ghi chú: (i) Theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 10/06/2013 của Bộ Tài chính, Tổng Công ty đã thực hiện phân loại lại các tài sản cố nguyên giá dưới 30.000.000 VND chưa khấu hao hết sang theo dõi ở tài khoản chi phí trả trước dài hạn để phân bổ tiếp.

Nguyên giá tài sản cố định hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2013 là 4.682.160.859 VND (Tại ngày 01/01/2013 là 3.758.905.054 VND)

13. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy tính VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ			
Tại ngày 01/01/2013	17.769.140.000	470.059.400	18.239.199.400
Giảm khác	-	(25.933.000)	(25.933.000)
Tại ngày 30/06/2013	17.769.140.000	444.126.400	18.213.266.400
KẾ			
Tại ngày 01/01/2013	-	172.315.999	172.315.999
Khấu hao trong năm	-	138.042.132	138.042.132
Giảm khác	-	(25.933.000)	(25.933.000)
Tại ngày 30/06/2013	-	284.425.131	284.425.131
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày 01/01/2012	17.769.140.000	297.743.401	18.066.883.401
Tại ngày 31/12/2012	17.769.140.000	159.701.269	17.928.841.269

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

14. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Khu đô thị mới Cầu Giấy	4.453.348.182	4.453.348.182
Công trình Công viên Phần mềm Quang Trung	-	1.370.466.829
Xây dựng cơ bản dở dang Trường	296.275.818	296.275.818
Cộng	4.749.624.000	6.120.090.829

15. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	12/31/2013		1/1/2013	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Đầu tư vào Công ty con		313.730.600.000		313.730.600.000
Công ty CP Viettronics Đồng Đa	1.123.600	11.236.000.000	1.123.600	11.236.000.000
Công ty CP Điện tử Thủ Đức	6.693.700	66.937.000.000	6.693.700	66.937.000.000
Công ty CP Điện tử Bình Hoà	1.479.000	14.790.000.000	1.479.000	14.790.000.000
Công ty CP Công nghệ Thông tin Genpacific	2.295.000	22.950.000.000	2.295.000	22.950.000.000
Công ty CP Viettronics Tân Bình	6.654.960	126.660.600.000	6.654.960	126.660.600.000
Công ty CP Điện tử Biên Hoà	306.000	30.600.000.000	306.000	30.600.000.000
Công ty CP Viettronics Công nghiệp	2.755.700	27.557.000.000	2.755.700	27.557.000.000
Công ty CP Công trình Viettronics	1.300.000	13.000.000.000	1.300.000	13.000.000.000
Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh		36.299.695.137		39.312.338.597
<i>Đầu tư vào Công ty liên kết</i>				
Công ty CP Máy tính và Truyền thông VN	214.200	21.420.000.000	214.200	21.420.000.000
Công ty CP Viettronimex	108.689	10.868.900.000	108.689	10.868.866.920
Công ty CP Cơ khí Điện tử Phú Thọ Hoà	18.787	1.878.700.000	18.787	1.878.775.622
Công ty CP Máy tính Việt Nam	8.555	855.500.000	8.555	855.500.000
Công ty CP Dịch vụ Điện tử Việt	-	-	26.000	3.012.600.918
<i>Góp vốn liên danh</i>				
Công ty LD Điện tử Y tế Kỹ thuật cao Amec		1.276.595.137		1.276.595.137
Đầu tư dài hạn khác		10.151.000.000		10.251.000.000
Công ty Bé tông ly tâm Thủ Đức	524.000	5.240.000.000	524.000	5.240.000.000
Công ty CP Điện tử và Viễn Thông Nghệ An	180.000	1.800.000.000	180.000	1.800.000.000
Công ty CP Điện tử Hải Phòng	31.110	3.111.000.000	31.110	3.111.000.000
Trung tâm hội tụ đa phương tiện	-	-	10.000	100.000.000
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn		(638.297.568)		(100.000.000)
Cộng		359.542.997.569		363.193.938.597

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

15. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (Tiếp theo)

Thông tin chi tiết của Công ty con tại ngày 31/12/2013:

Tên công ty con	Nơi thành lập (Hoặc đăng ký) và hoạt động	Tỷ lệ sở hữu %	Tỷ lệ biểu quyết %
Công ty CP Viettronics Đống Đa	Hà Nội	51,07%	51,07%
Công ty CP Điện tử Thủ Đức	Thành phố Hồ Chí Minh	97,01%	97,01%
Công ty CP Điện tử Bình Hoà	Thành phố Hồ Chí Minh	51,00%	51,00%
Công ty CP CN Thông tin Genpacific	Thành phố Hồ Chí Minh	51,00%	51,00%
Công ty CP Viettronics Tân Bình	Thành phố Hồ Chí Minh	55,54%	55,54%
Công ty CP Điện tử Biên Hoà	Thành phố Hồ Chí Minh	51,00%	51,00%
Công ty CP Viettronics Công nghiệp	Hà Nội	91,86%	91,86%
Công ty CP Công trình Viettronics	Hà Nội	65,00%	65,00%

Thông tin chi tiết của Công ty liên kết, liên doanh tại ngày 31/12/2013:

Tên công ty liên danh, liên kết	Nơi thành lập /đăng ký /hoạt động	Tỷ lệ sở hữu %	Tỷ lệ biểu quyết %
Đầu tư vào công ty liên kết			
Công ty CP Viettronimex	Thành phố Hồ Chí Minh	46,25%	46,25%
Công ty CP Cơ khí Điện tử Phú Thọ Hoà	Thành phố Hồ Chí Minh	33,77%	33,77%
Công ty CP Máy tính Việt Nam	Thành phố Hồ Chí Minh	28,50%	28,50%
Công ty CP Máy tính và Truyền thông VN	Hà Nội	35,70%	35,70%
Góp vốn liên danh			
Công ty LD Điện tử y tế KT cao Amec	Hà Nội	49,00%	49,00%

16. TÀI SẢN THUẾ THU NHẬP HOẢN LẠI

	31/12/2013 VND	01/01/2013 VND
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	31.549.800	87.888.729
	31.549.800	87.888.729

17. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	31/12/2013 VND	01/01/2013 VND
Vay Ngân hàng TMCP An Bình	40.153.824.797	66.108.455.020
Ngân hàng Đầu tư và phát triển HN SGD III	3.100.000.000	-
Cộng	43.253.824.797	66.108.455.020

Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP An Bình theo hợp đồng hạn mức tín dụng số 1010/2011/HDTDHM.II.116 ngày 12/10/2011 với hạn mức 284 tỷ đồng; thời hạn vay là 12 tháng kể từ ngày 12/10/2011 đến ngày 12/10/2012. Tài sản thế chấp là khoản phải thu từ Ban QLDA Thủy điện Sơn La, Công ty CP Thủy điện An Khê Kanak, Tổng Công ty Xây dựng 1, Ban QLDA Điện miền nam, Công ty Điện lực 1, Công ty Cổ phần Bắc Hà.

Vay ngắn hạn Ngân hàng Đầu tư và phát triển Hà Nội theo hợp đồng số 03/2013/HDTDNH, lãi suất vay 11%/năm, thời hạn vay 06 tháng. Tài sản đảm bảo là Hóa đơn đầu vào của Công ty Cổ phần Viettronics Công nghiệp liên quan đến dự án vay.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

18. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Công ty CP Viettronics Công nghiệp	38.236.845.253	51.761.177.593
Liên doanh Kirloskar Brothers LTD- DA Kanak	-	2.675.116.158
Công ty TNHH Chongqing Water Turbine Works	1.367.400.300	1.367.400.300
Các đối tượng khác	464.439.688	214.143.800
Cộng	40.068.685.241	56.017.837.851

19. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Ban quản lý Dự án thủy điện 7	6.331.914.059	-
Công ty CP MEDIAMART Việt Nam	-	1.035.000.000
Công ty CP Viettronics Công nghiệp	-	383.523.145
Cộng	6.331.914.059	1.418.523.145

20. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Thuế thu nhập cá nhân	28.687.583	25.010.822
Thuế giá trị gia tăng	1.734.528.895	4.665.881.545
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	1.033.657.185
Cộng	1.763.216.478	5.724.549.552

21. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP KHÁC

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Khoản dự tính phải trả về quyết toán vốn cổ phần	20.352.613.860	20.352.613.860
Phải trả về cổ tức	3.631.653.860	-
Công ty cổ phần Công trình Viettronics	4.995.435.319	4.948.235.319
Các khoản phí của sinh viên do Trường thu	2.947.428.226	4.372.567.317
Phải trả CBCNV - ứng trước tiền mua đất	1.302.400.000	1.302.400.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	3.894.031.854	7.231.079.492
Cộng	37.123.563.119	38.206.895.988

Khoản phải trả về quyết toán vốn cổ phần cho Tổng Công ty Đầu tư và kinh doanh vốn Nhà nước (SCIC) theo thông báo đến ngày 31/12/2010 của SCIC là 36.545.374.298 đồng. Tuy nhiên, Tổng Công ty mới ghi nhận 20.352.613.860 đồng.

22. DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
- Doanh thu ghi nhận trước từ học phí	1.771.377.500	5.730.290.000
- Doanh thu ghi nhận trước từ học phí đào tạo chuyên sâu	2.196.439.000	2.784.489.000
- Doanh thu ghi nhận trước từ học phí hệ B, hệ liên kết	18.000.000	98.742.500
Cộng	3.985.816.500	8.613.521.500

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

MÃU B 09-DN

23. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn điều lệ		Chênh lệch tỷ giá hối đoái		Quỹ đầu tư phát triển		Quỹ dự phòng tài chính		Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	
	VND		VND		VND		VND		VND	
Số dư tại ngày 01/01/2012	438.000.000.000		1.849.147.322		15.229.584.594		5.930.012.198		61.901.620.008	
Lợi nhuận trong năm trước	-		-		-		-		34.293.384.460	
Lợi nhuận đơn vị trực thuộc nộp về	-		-		-		-		328.489.130	
Trả lại lợi nhuận năm 2009 đã trích năm 2010 phải trả về cổ phần hoá	-		-		-		-		6.157.919.999	
Tặng khác	-		-		-		-		7.717.203	
Giảm khác	-		(1.849.147.322)		-		-		-	
Số dư tại ngày 01/01/2013	438.000.000.000				15.229.584.594		5.930.012.198		102.689.130.800	
Lợi nhuận trong kỳ	-		-		-		-		36.111.393.969	
Lợi nhuận đơn vị trực thuộc nộp về	-		-		-		-		(33.810.000.000)	
Phân phối lợi nhuận năm 2012 (i)	-		-		2.190.000.000		2.190.000.000		(13.140.000.000)	
Tạm ứng 3% cổ tức từ lợi nhuận 2013 (ii)	-		-		-		-		(1.591.693.625)	
Giảm theo Biên bản thanh tra thuế	-		-		-		-		89.737.924	
Tặng khác	-		-		-		-		(843.284.682)	
Giảm lợi nhuận phải thu đơn vị trực thuộc nộp về	-		-		-		-		(3.449.090)	
Giảm khác	-		-		-		-			
Số dư tại ngày 30/06/2013	438.000.000.000				17.419.584.594		8.120.012.198		89.501.835.297	

(i) Tổng Công ty thực hiện phân phối lợi nhuận năm 2012 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01 NQ/ĐT-ĐHĐCĐ ngày 28/05/2013 trong đó:

- Quỹ đầu tư phát triển: 2.190.000.000 VND
- Quỹ dự phòng tài chính: 2.190.000.000 VND
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi: 3.066.000.000 VND
- Chia cổ tức: 26.280.000.000 VND
- Phụ cấp HĐQT, BKS: 84.000.000 VND

(ii) Tổng Công ty thực hiện tạm trích cổ tức từ lợi nhuận năm 2013 với tỷ lệ 3% vốn điều lệ theo Quyết định số 05 ANQ/ĐT-HĐQT ngày 12/11/2013 của Hội đồng quản trị Tổng Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

23. VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)

Vốn điều lệ

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103016007 ngày 28/02/2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp. Đăng ký thay đổi lần 3 ngày 27/4/2009. Tại ngày 31/12/2013, vốn điều lệ đã được các cổ đông góp như sau:

Danh sách cổ đông sáng lập	Vốn đăng ký góp theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh		
	VND	Số cổ phần	Tỷ lệ (%)
Vốn Nhà nước	385.308.600.000	38.530.860	87,97%
Vốn các cổ đông khác	52.691.400.000	5.269.140	12,03%
	438.000.000.000	43.800.000	100,00%

24. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Chi phí nhân công	13.725.761.780	12.179.562.070
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.349.326.333	1.653.710.332
Chi phí dịch vụ mua ngoài	26.468.769.455	139.378.129.098
Chi phí khác	9.579.783.504	8.673.941.609
Cộng	41.543.857.568	161.885.343.109

25. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
- Doanh thu từ các dự án	33.041.365.087	122.199.743.771
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	14.107.867.636	13.772.441.736
Cộng	47.149.232.723	135.972.185.507

26. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Giá vốn từ các dự án	32.402.548.064	120.759.599.790
Giá vốn Dịch vụ đã cung cấp	7.249.659.015	7.216.356.356
Cộng	39.652.207.079	127.975.956.146

27. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Lãi từ hoạt động cho vay	6.792.725.946	6.285.790.786
Cổ tức, lợi nhuận được chia	30.657.366.850	31.050.625.000
Lãi tiền gửi ngân hàng	12.177.485.608	5.684.525.682
Chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	10.747.514.003	658.174.282
Doanh thu từ chuyển nhượng bán cổ phần	4.839.399.082	-
Cộng	65.214.491.489	43.679.115.750

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

28. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	10.889.511.556	52.139
Chi phí lãi vay	1.262.242.796	1.535.300
Chi phí tài chính khác	273.156.000	-
Cộng	12.424.910.352	1.587.439

29. LỢI NHUẬN KHÁC

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Thu nhập khác	5.840.531.392	17.593.775.027
Thu nhập từ việc thu - chi hộ lãi vay	5.058.061.891	17.382.155.598
Thu thanh lý tài sản cố định	-	28.070.000
Thu từ học phí tích lũy học sinh - sinh viên	78.345.000	19.254.000
Thu khác	704.124.501	164.295.429
Chi phí khác	5.453.393.928	17.390.743.598
Chi khác từ việc thu - chi hộ lãi vay	5.058.061.891	17.382.155.598
Chi phí khác	395.332.037	8.588.000
Lợi nhuận khác	387.137.464	203.031.429

30. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Lợi nhuận/(lỗ) kế toán trước thuế	37.929.403.009	35.374.304.281
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế	(30.882.722.566)	(31.275.980.716)
Trừ: Doanh thu không chịu thuế	(30.657.366.850)	(31.050.625.000)
Trừ: Chi phí lãi vay trích trước năm trước đã có chứng từ hoàn nhập trong năm	-	-
Trừ: Chi phí khấu hao nhanh TSCĐ	(225.355.716)	(225.355.716)
Thu nhập chịu thuế	7.046.680.443	4.098.323.565
Thuế suất	25%	25%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	1.761.670.111	1.024.580.892

Trong năm, Công ty chưa xác định lợi nhuận kế toán không có sự chênh lệch đáng kể so với lợi nhuận tính thuế thu nhập doanh nghiệp. Tuy nhiên, việc xác định sau cùng về thuế tùy thuộc vào quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

31. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Tổng Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 3).

Tài sản tài chính của Tổng Công ty chủ yếu bao gồm tiền mặt, tiền gửi ở các tổ chức tín dụng, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản đầu tư tài chính ngắn và dài hạn khác. Công nợ phải trả tài chính của Tổng Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán, chi phí phải trả và các khoản phải trả phải nộp ngắn hạn khác.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

31. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị sổ kế toán	
	12/31/2013	1/1/2013
	Giá gốc VND	Giá gốc VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	104.801.609.308	87.723.617.540
Phải thu khách hàng, phải thu khác	105.138.676.421	24.554.338.661
Các khoản cho vay	72.889.770.052	111.276.581.609
Đầu tư dài hạn	359.542.997.569	363.193.938.597
Cộng	642.373.053.350	586.748.476.407
Nợ phải trả tài chính		
Vay và nợ	43.253.824.797	66.108.455.020
Phải trả người bán, phải trả khác	77.192.248.360	94.224.733.839
Cộng	120.446.073.157	160.333.188.859

Tổng Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính đã ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 (“Thông tư 210”) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế.

Quản lý rủi ro vốn

Tổng Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Tổng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Tổng Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay trừ đi tiền và các khoản trong tương đương tiền) và phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của Tổng Công ty (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty sẽ chịu rủi ro thị trường, bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất, rủi ro về giá hàng hóa, rủi ro tín dụng và các rủi ro về giá khác như cổ phiếu.

Rủi ro về tỷ giá

Tổng Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Tổng Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

31. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Rủi ro thị trường (Tiếp theo)

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất của Tổng Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi và các khoản vay. Tổng Công ty chịu rủi ro khi lãi suất biến động. Rủi ro này sẽ do Tổng Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản tiền gửi, tiền vay với lãi suất cố định và lãi suất thả nổi, phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường, theo dõi sự biến động của nền kinh tế trong nước và thế giới để có được các lãi suất có lợi cho Tổng Công ty và sử dụng các đòn bẩy tài chính hiệu quả.

Rủi ro về giá hàng hóa

Tổng Công ty mua hàng hóa để phục vụ hoạt động kinh doanh, nên Tổng Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của hàng hóa. Tổng Công ty quản lý rủi ro hàng hóa bằng việc theo dõi và phân tích thông tin liên quan đến thị trường hàng hóa mà Tổng Công ty kinh doanh nhằm mục đích phục vụ cho thời điểm mua bán hàng hóa, kế hoạch kinh doanh và xác định định mức tồn kho hợp lý. Tổng Công ty chưa sử dụng các công cụ tài chính phái sinh để phòng ngừa các rủi ro về hàng hóa.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc một hợp đồng mà khách hàng không thực hiện nghĩa vụ của mình, nên làm cho Tổng Công ty bị tổn thất về tài chính. Tổng Công ty sẽ chịu rủi ro tín dụng chủ yếu đối với các khoản phải thu và từ hoạt động tài chính như tiền gửi ngân hàng.

Đối với các khoản phải thu khách hàng: Tổng Công ty quản lý rủi ro đối với các khoản phải thu dựa trên các chính sách, thủ tục kiểm soát cũng như dự phòng nợ phải thu khó đòi. Tổng Công ty theo dõi chặt chẽ các khoản phải thu, phân tích tình hình tín dụng của từng khách hàng tại từng thời điểm.

Đối với tiền gửi ngân hàng: Tổng Công ty duy trì thực hiện gửi tiền tại ngân hàng mà Tổng Công ty đánh giá là có uy tín và có quan hệ lâu năm với Tổng Công ty.

Rủi ro về giá cổ phiếu

Các cổ phiếu niêm yết và chưa niêm yết mà Tổng Công ty nắm giữ sẽ bị ảnh hưởng bởi biến động về giá cổ phiếu trên thị trường cũng như tính không chắc chắn về giá trị cổ phiếu trong tương lai. Tổng Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thường xuyên phân tích diễn biến của thị trường và cổ phiếu của doanh nghiệp Tổng Công ty đầu tư, đưa ra hạn mức đầu tư hợp lý. Mặt khác, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Tổng Công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu.

Rủi ro thanh khoản

Đây là rủi ro khi Tổng Công ty gặp khó khăn trong việc thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn, chủ yếu là do các tài sản tài chính và công nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau. Tính thanh khoản được Tổng Công ty quản lý nhằm đảm bảo phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Tổng Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Tổng Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Tổng Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Tổng Công ty phải trả.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

31. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Rủi ro thanh khoản (Tiếp theo)

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 31/12/2013				
Tiền và các khoản tương đương tiền	104.801.609.308	-	-	104.801.609.308
Phải thu khách hàng, phải thu khác	105.138.676.421	-	-	105.138.676.421
Các khoản cho vay	72.889.770.052	-	-	72.889.770.052
Đầu tư dài hạn	-	359.542.997.569	-	359.542.997.569
Cộng	282.830.055.781	359.542.997.569	-	642.373.053.350
Tại ngày 31/12/2013				
Vay và nợ	43.253.824.797	-	-	43.253.824.797
Phải trả người bán, phải trả khác	77.192.248.360	-	-	77.192.248.360
Cộng	120.446.073.157	-	-	120.446.073.157
Chênh lệch thanh khoản thuần	(162.383.982.624)	(359.542.997.569)	-	(521.926.980.193)
	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 01/01/2013				
Tiền và các khoản tương đương tiền	87.723.617.540	-	-	87.723.617.540
Phải thu khách hàng, phải thu khác	24.554.338.661	-	-	24.554.338.661
Các khoản cho vay	111.276.581.609	-	-	111.276.581.609
Đầu tư dài hạn	-	363.193.938.597	-	363.193.938.597
Cộng	223.554.537.810	363.193.938.597	-	586.748.476.407
Tại ngày 01/01/2013				
Vay và nợ	66.108.455.020	-	-	66.108.455.020
Phải trả người bán, phải trả khác	94.224.733.839	-	-	94.224.733.839
Cộng	160.333.188.859	-	-	160.333.188.859
Chênh lệch thanh khoản thuần	(63.221.348.951)	(363.193.938.597)	-	(426.415.287.548)

32. SỰ KIỆN SAU NGÀY KHÓA SỔ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Tổng Công ty khẳng định rằng không có sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày khóa sổ đến thời điểm phát hành báo cáo này có ảnh hưởng trọng yếu và cần phải trình bày trên báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013 của Tổng Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)
Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

MẪU B 09-DN

33. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính năm 2012 đã được kiểm toán.



Lưu Hoàng Long
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 28 tháng 03 năm 2014

A blue ink signature of Nguyễn Trung Dũng.

Nguyễn Trung Dũng
Kế toán trưởng

A blue ink signature of Vũ Văn Tuấn.

Vũ Văn Tuấn
Người lập biểu